TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN DẦU TIẾNG** **TỈNH BÌNH DƯƠNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 24-4-2019
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN DẦU TIẾNG, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Ngọc Lan.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Vương Thị Vui;

2. Bà Nguyễn Thị Thu Thu.

- ***Thư ký phiên tòa***: Ông Ngô Nguyễn Minh Sơn – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Ông Trần A Anh – Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 4 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 739/2018/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 12 năm 2018 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 11/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 4 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông A, sinh năm 1981; HKTT: Ấp S, xã T, thị xã B, tỉnh Bình Phước; nơi cư trú: Nhà trọ D, số X Quốc Lộ Y, tổ Z, khu phố N, phường H, thị xã C, tỉnh Bình Dương.

2. Bị đơn: Bà C, sinh năm 1985; HKTT: Ấp L, xã M, huyện E, tỉnh Bình Dương.

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa. Bị đơn có đơn xin giải quyết vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

***Theo đơn khởi kiện đề ngày 21/8/2018 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn (ông A) trình bày*:**

- *Về quan hệ hôn nhân*: Ông A và bà C chung sống với nhau từ năm 2008. Hôn nhân tự nguyện, có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật vào ngày 25/12/2008 tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện E, tỉnh Bình Dương. Trong quá trình chung sống, vợ chồng thường xuyên phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do hai bên bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi vã, cuộc sống chung không có hạnh phúc. Từ tháng 9/2018 đến nay bị đơn đã về

nhà cha mẹ ruột ở Ấp L, xã M, huyện E, tỉnh Bình Dương nên không còn chung sống với nguyên đơn. Hiện nay, ông A thấy rằng tình trạng hôn nhân đã ở mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu được ly hôn với bà C để không làm khổ cho cả hai.

- *Về con chung:* Quá trình chung sống, giữa ông A và bà C có 02 con chung tên H, sinh ngày 28/10/2009 và K, sinh ngày 07/3/2012. Khi ly hôn, ông A yêu cầu được nuôi dưỡng cả 02 con chung và không yêu cầu bà C cấp dưỡng nuôi con.

- *Về tài sản chung, nợ chung:* Không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai đương sự ngày 05/4/2019 và đơn xin giải quyết, xét xử vắng mặt ngày 05/4/2019 bị đơn (bà C) trình bày:

- *Về quan hệ hôn nhân*: Bà C thống nhất với ông A về quá trình chung sống và đăng ký kết hôn. Hôn nhân giữa bà C và ông A là tự nguyện, có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật vào ngày 25/12/2008 tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện E, tỉnh Bình Dương. Trong quá trình chung sống, vợ chồng thường xuyên phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do hai bên bất đồng quan điểm sống, ông A có người phụ nữ khác, vợ chồng thường xuyên cãi vã lẫn nhau, giữa vợ chồng sống chung không còn tình cảm, không có hạnh phúc. Hiện nay, bà C thấy rằng tình trạng hôn nhân đã ở mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên đồng ý ly hôn với ông A.

- *Về con chung:* Quá trình chung sống, giữa ông A và bà C có 02 con chung tên H, sinh ngày 28/10/2009 và K, sinh ngày 07/3/2012. Khi ly hôn, bà C đồng ý giao 02 con chung cho ông A trực tiếp nuôi dưỡng, bà C không cấp dưỡng nuôi con.

- *Về tài sản chung, nợ chung:* Không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng có ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Thư ký đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật. Tòa án đã tiến hành thu thập chứng cứ, tống đạt các văn bản tố tụng đầy đủ, đúng trình tự, người tham gia tố tụng đúng thành phần. Phiên tòa được tiến hành đúng trình tự. Nguyên đơn, bị đơn đã chấp hành đúng quy định của pháp luật. Không kiến nghị khắc phục, bổ sung các thủ tục tố tụng.

Về nội dung vụ án: Các tài liệu, chứng cứ được Hội đồng xét xử làm rõ tại phiên tòa cho thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở chấp nhận. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Chứng cứ được Hội đồng xét xử xem xét gồm:

Đơn xin ly hôn ngày 21/8/2018; bản sao giấy chứng minh nhân dân và sổ hộ khẩu; bản sao trích lục kết hôn; bản tự khai; bản sao trích lục khai sinh của H,

sinh ngày 28/10/2009 và K, sinh ngày 15/8/2018; biên bản lấy lời khai bà C ngày 05/4/2019; biên bản xác minh về tình trạng hôn nhân.

Lời khai của các bên tại bản tự khai và biên bản lấy lời khai thống nhất với nhau về quan hệ hôn nhân có đăng ký kết hôn, con chung, thống nhất người trực tiếp nuôi con và việc không cấp dưỡng nuôi con, thống nhất việc ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Từ những tài liệu chứng cứ đã thu thập có trong hồ sơ. Sau khi nghe lời trình bày của các đương sự tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định,

[1] Về tố tụng:

[1.1] Tại phiên tòa, ông A có mặt, bà C có đơn xin giải quyết, xét xử vắng mặt. Việc vắng mặt của bà C là phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà C theo quy định tại Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Ông A khởi kiện bà C về việc ly hôn và yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung tên H, sinh ngày 28/10/2009 và K, sinh ngày 07/3/2012, ông A không yêu cầu bà C cấp dưỡng nuôi. Bà C có nơi cư trú tại ấp L, xã M, huyện E, tỉnh Bình Dương nên vụ án thuộc thẩm quyền thụ lý, giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng theo quy định tại các Điều 28, 35, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Quan hệ pháp luật của vụ án là "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con".

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Ông A và bà C chung sống với nhau từ năm 2008. Hôn nhân tự nguyện, có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn theo luật định tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện E, tỉnh Bình Dương, theo giấy đăng ký kết hôn số 190 ngày 25/12/2008. Quá trình chung sống, giữa vợ chồng thường xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm. Ông A và bà C đều xác định mâu thuẫn đã trầm trọng, không hàn gắn được. Theo quy định tại Điều 19 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 thì vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình; vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau, trừ trường hợp có thỏa thuận khác hoặc do yêu cầu của nghề nghiệp, công tác…và lý do chính đáng khác. Giữa ông A và bà C không có thỏa thuận với nhau về việc mỗi người sống một nơi, nhưng từ tháng 9 năm 2018 đến nay bà C đã về nhà mẹ ruột tại ấp L, xã M, huyện E, tỉnh Bình Dương sinh sống. Lời trình bày của ông A và bà C về tình trạng hôn nhân phù hợp với kết quả xác minh của Tòa án, do vậy Hội đồng xét xử thấy rằng mâu thuẫn giữa vợ chồng ông A và bà C đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, do đó, yêu cầu ly hôn của ông A là có cơ sở chấp nhận

[2.2] Về người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con chung: Ông A yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung tên H, sinh ngày 28/10/2009 và K, sinh ngày 07/3/2012, ông A không yêu cầu bà C cấp dưỡng nuôi con. Bà C

vắng mặt tại phiên tòa, tuy nhiên đã thể hiện ý kiến thống nhất với yêu cầu khởi kiện của ông A, đồng ý giao con chung cho ông A trực tiếp nuôi dưỡng, bà C không cấp dưỡng nuôi con. Các con chung là H và K cũng có nguyện vọng được ở với cha là ông A. Ý kiến của bà C về việc đồng ý giao các con chung cho ông A trực tiếp nuôi dưỡng là tự nguyện và phù hợp với quy định của pháp luật được quy định tại Điều 81của Luật Hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Ông A và bà C không tranh chấp về tài sản chung, nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát về nội dung vụ án , các thủ tục tố tụng, quá trình tiến hành tố tụng cũng như diễn biến tại phiên tòa là có căn cứ, phù hợp quy định của pháp luật nên hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Nguyên đơn phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, 228, 266, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân;

- Căn cứ vào các Điều 9, 19, 56, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

I. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn, nuôi con chung của ông A đối với bà C.

1. Về quan hệ hôn nhân: Ông A được ly hôn với bà C.

2. Về con chung:

Ghi nhận sự tự nguyện của các con chung là H và K có nguyện vọng được sống với cha là ông A.

Ông A được trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên H, sinh ngày 28/10/2009 và K, sinh ngày 07/3/2012. Ghi nhận sự tự nguyện của ông A không yêu cầu bà C cấp dưỡng nuôi con.

Hai bên được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung theo quy định của pháp luật. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Tòa án có thể

quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con khi có đơn yêu cầu.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Ông A không tranh chấp, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

II. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm:

Án phí ly hôn: Ông A phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu số AA/2016/0027426 ngày 04 tháng 9 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương.

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa tuyên án (ngày 24/4/2019).

Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Bản án được tống đạt hợp lệ theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- VKSND huyện E;
- CC THA DS huyện E;
- CC THA DS thị xã B;
- UBND xã M;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, VT.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đỗ Thị Ngọc Lan